

Số: 55/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 20 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Minh Hoàng.

*Thư ký phiên họp:* Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 78/2024/TLST-LĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 20/2024/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+ Người yêu cầu: Chị Trần Thị S, sinh năm: 1990; địa chỉ: 1 đường Đ, khu phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hứa Thị T, sinh năm 1986; chị Trịnh Thị Thúy N, sinh năm 2001 cùng địa chỉ: Số A đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 26/3/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty cổ phần C; địa chỉ: Lô C đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc H, sinh năm 1961, địa chỉ: Số H đại lộ Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Chị Trần Thị T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Anh Dương Văn T2, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Tại đơn yêu cầu chị Trần Thị S trình bày:*

Từ tháng 11/2008 đến tháng 08/2022, tôi có làm việc tại nhiều công ty, cụ thể: Công ty trách nhiệm hữu hạn W (Việt Nam); Công ty trách nhiệm hữu hạn W; Công ty trách nhiệm hữu hạn W; Công ty trách nhiệm hữu hạn W và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7408301249. Nay tôi tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì cơ quan Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin của tôi bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm là do em gái tôi là chị Trần Thị T1 (sử dụng thông tin của tôi Trần Thị S) giao kết hợp đồng lao động với công ty cổ phần C (trước đây là công ty cổ phần G) khoảng từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011. Đồng thời gian đó, tôi đang giao kết hợp đồng lao động với công ty trách nhiệm hữu hạn W, địa chỉ: Lô A đường số B, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tôi làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn W từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011.

Do đó, tôi bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 (trùng với thời gian em Trần Thị T1 mượn hồ sơ lao động của tôi).

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên bố hợp đồng lao động giữa tôi là Trần Thị S và công ty cổ phần C từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 là vô hiệu.

- *Tại văn bản ngày 06/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của công ty cổ phần C, ông Hoàng Ngọc H trình bày:* Việc chị Trần Thị T1 mượn hồ sơ của chị Trần Thị S để tham gia ký kết hợp đồng lao động với công ty thì thời điểm tuyển dụng công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của chị S hiện công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Do không còn lưu giữ hồ sơ nên công ty không biết chị S giao kết hợp đồng lao động với công ty từ thời gian nào và thời gian bao lâu. Lỗi dẫn đến việc chị S ký kết hợp đồng với công ty (nhưng thực tế là chị H1 mới là người thực tế làm việc tại công ty) là do chị S và chị T1. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, công ty không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T1 trình bày:*

Tháng 04/2009 tôi có sử dụng chứng minh nhân dân của chị gái tên Trần Thị S để ký kết hợp đồng lao động với công ty cổ phần G, nay là công ty cổ phần C từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011, vì khi đó tôi chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động. Trước khi tôi ký kết hợp đồng lao động với công ty G thì chị gái

tôi (chị Trần Thị S) đang ký kết hợp đồng lao động và đang làm việc tại công ty W từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị S và công ty cổ phần C từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 là vô hiệu thì tôi đồng ý.

- Anh Dương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của công ty cổ phần G cho người lao động thì công ty Cổ phần G có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho chị Trần Thị S, sinh năm 1990, có số chứng minh nhân dân 183649813, số căn cước công dân 042190013543, với mã số BHXH 7409150566 tại công ty cổ phần G từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH.

Ngoài ra chị Trần Thị S còn có mã số 7408301249: Từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2009 tại công ty TNHH W (Việt Nam). Từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 tại công ty TNHH W. Từ tháng 10/2011 đến tháng 02/2012 tại công ty TNHH W (Việt Nam). Từ tháng 04/2012 đến tháng 07/2015 tại công ty TNHH W. Từ tháng 04/2016 đến tháng 10/2018 tại công ty TNHH W (HSV). Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của chị S, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của chị S phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

*Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị S, chị T1, người đại diện theo ủy quyền của công ty cổ phần C, ông Hoàng Ngọc H, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011, người lao động tên Trần Thị S, sinh năm 1990, có số chứng minh nhân dân 183649813, số căn cước công dân 042190013543, với mã số BHXH 7409150566 được công ty cổ phần G (nay là công ty cổ phần C) tham gia bảo hiểm **xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**



với mã số bảo hiểm xã hội là 7409150566. Quan hệ lao động giữa công ty cổ phần C (trước đây là công ty cổ phần G) và chị S phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 04/2009. Tuy nhiên, chị Trần Thị S và chị Trần Thị T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với công ty cổ phần C và thực tế làm việc tại công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 theo hợp đồng lao động là chị T1 chứ không phải chị S, do chị T1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của chị S để đi làm việc. Đối với chị S trong thời gian này đang thực tế làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn W. Mục đích mượn giấy tờ là để chị T1 có việc làm vì thời gian này chị T1 chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của chị S và chị T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 chị S có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty trách nhiệm hữu hạn W.

Xét thấy, việc chị T1 lấy tên chị S để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc chị S yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 giữa chị Trần Thị S với công ty cổ phần C (trước đây là công ty cổ phần G) là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị S bị trùng từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011. Do đó, chị S yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa công ty cổ phần C (trước đây là công ty cổ phần G) với chị S từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Chị Trần Thị S phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

*Từ các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Trần Thị S.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị S, sinh năm: 1990; địa chỉ: 1 đường Đ, khu phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (do chị Trần Thị T1 ký kết) với công ty cổ phần C (trước đây là công ty cổ phần G) từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0002821 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Minh Hoàng**